

Số: 15 /2023/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 16 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;
Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1490/SKHĐT-QLĐTC ngày 06 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ TP;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- TT, TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP, P.NC;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng



QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tây Ninh gồm: nguyên tắc, thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục; trách nhiệm của cơ quan liên quan.

Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP) và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam và hoạt động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

Việc quản lý và sử dụng viện trợ đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và các nguyên tắc sau:

1. Công tác quản lý và sử dụng viện trợ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, sự quản lý, điều hành thống nhất của UBND tỉnh, sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã, đồng thời tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

2. Khi xử lý các công việc liên quan đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài nhất thiết phải xem xét, cân nhắc để đảm bảo yêu cầu về chính trị, quốc phòng, an ninh.

Chương II

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 4. Lập hồ sơ khoản viện trợ

1. Bên tiếp nhận viện trợ, chủ dự án phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng hồ sơ văn kiện chương trình, dự án, phi dự án theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Văn kiện chương trình, dự án và văn kiện khoản viện trợ phi dự án được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng thì hồ sơ phải được xây dựng theo quy định của Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

Điều 5. Thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

1. Cơ quan chủ trì, thẩm định

a) Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định.

2. Phê duyệt khoản viện trợ:

Người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ; cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định phê duyệt của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện như sau:

a) Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định trên cơ sở các quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ tới các Sở: Ngoại vụ, Tài chính, Công an tỉnh và các Sở, ban, ngành chức năng liên quan ở địa phương để lấy ý kiến góp ý bằng

văn bản. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành trung ương có liên quan.

2. Thẩm định khoản viện trợ

a) Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định. Ý kiến kết luận của cơ quan chủ trì thẩm định là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ.

b) Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan chủ quản thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

c) Đối với viện trợ khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, khi phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

3. Nội dung thẩm định

a) Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, mục đích tiếp nhận phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án;

b) Tư cách pháp nhân của các bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

c) Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ dự án; khả năng đóng góp đối ứng của địa phương;

d) Các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

đ) Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

e) Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc; hiệu quả sử dụng khoản viện trợ phi dự án.

4. Thời gian thẩm định không quá 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

a) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; tùy theo tính chất và quy mô chương trình, dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản (kèm theo hồ sơ) tới các cơ quan, tổ chức có liên quan lấy ý kiến tham gia thẩm định chương trình, dự án;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến tham gia thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư; các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và có ý kiến trả lời bằng văn bản, quá thời hạn trên mà không có trả lời được xem là đồng ý với nội dung khoản viện trợ;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan; Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt khoản viện trợ. Trường hợp không áp dụng hình thức tổng hợp ý kiến bằng văn bản, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các đơn vị liên quan tổ chức Hội nghị thẩm định và gửi báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp khoản viện trợ chưa đủ điều kiện phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh bằng văn bản đồng thời đề nghị chủ dự án hoàn thiện hồ sơ trong đó nêu rõ những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh hoặc giải trình. Thời gian hoàn thiện lại hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định theo quy định;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cùng văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt khoản viện trợ.

Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan chủ quản thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 7. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án, cụ thể như sau:

- a) Sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực quản lý và thực hiện dự án đối với dự án quy mô dưới 200.000 USD (hai trăm nghìn đô la Mỹ);
- b) Sử dụng Ban quản lý đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới;
- c) Thành lập Ban quản lý riêng cho từng chương trình, dự án.

2. Chủ dự án phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ của cơ quan chủ quản. Chủ dự án tổ chức bộ máy quản lý chương trình, dự án và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Ban quản lý dự án đại diện cho chủ dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Đối với dự án có cấu phần xây dựng thì việc thực hiện quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng và chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định về pháp luật xây dựng liên quan.

6. Đối với các khoản viện trợ do các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam thực hiện trên địa bàn tỉnh (các khoản viện trợ không do UBND tỉnh trực tiếp phê duyệt văn kiện), chủ dự án có trách nhiệm báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng và hàng năm cho cơ quan chủ quản. Báo cáo kết thúc khoản

viện trợ phải gửi cơ quan chủ quản chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

Điều 8. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ:

Chủ dự án thực hiện mở tài khoản cho chương trình, dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, Điều 8 Thông tư số 23/2022/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Chủ dự án thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo quy định từ khoản 2 đến khoản 8, Điều 23 Nghị định 80/2020/NĐ-CP;

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán đối với khoản viện trợ thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 9, Điều 23 Nghị định 80/2020/NĐ-CP.

5. Quản lý vốn đối ứng

a) Các chương trình, dự án được bố trí vốn đối ứng theo nhu cầu hoặc cam kết với Bên cung cấp viện trợ: Bên tiếp nhận viện trợ đề xuất cụ thể nhu cầu vốn đối ứng trong văn kiện chương trình, dự án trình thẩm định, phê duyệt. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chương trình, dự án trong đó quyết định về mức vốn đối ứng bố trí cho chương trình, dự án (tiền mặt, hiện vật...).

Đối với các khoản viện trợ do cơ quan trung ương phê duyệt triển khai trên địa bàn tỉnh: UBND tỉnh sẽ xem xét, bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án theo văn bản thỏa thuận giữa UBND tỉnh với cơ quan chủ quản phê duyệt khoản viện trợ;

b) Nguồn vốn đối ứng: Vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền mặt từ ngân sách nhà nước (ngân sách tỉnh, huyện, xã) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện vốn viện trợ

1. Chế độ báo cáo về tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện vốn viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm báo cáo

UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện), các chủ dự án báo cáo tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ hàng năm (trước ngày 05/01 của năm kế tiếp năm báo cáo) và khi có yêu cầu đột xuất.

2. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ

Chủ dự án gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ đến các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 6, Điều 7 của Quy chế này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

1. Phối hợp với các ngành liên quan giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này;

2. Phối hợp với các ngành liên quan thẩm định, đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Quy chế này, có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ lập hồ sơ viện trợ; thẩm định văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

2. Chủ trì, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Phối hợp với Sở Tài chính bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh cho các chương trình, dự án theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế chính sách, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh;

4. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị giao ban hàng năm về vận động, quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh;

5. Chủ trì báo cáo kết quả thực hiện và tình hình giải ngân; công tác quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Phối hợp với Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng

dự án, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu;

7. Đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh; thực hiện giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ giám sát và đánh giá đầu tư, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án viện trợ trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Quy chế này, có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ và nhiệm vụ được quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 23/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; khả năng đóng góp vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

3. Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

Là cơ quan quản lý các hoạt động quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của địa phương.

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan thẩm định tư cách pháp nhân, năng lực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến thực hiện chương trình, dự án tại địa phương;

2. Chủ trì thẩm định, tham mưu UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và cấp có thẩm quyền xem xét cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài có nhu cầu hoạt động tại Tây Ninh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng định kỳ kiểm tra hoạt động của các văn phòng dự án tại địa phương;

3. Phối hợp với Bên tiếp nhận viện trợ và các cơ quan liên quan hỗ trợ Bên cung cấp viện trợ thực hiện các hoạt động khảo sát, điều tra lập dự án và thiết lập quan hệ đối tác tại địa phương (nếu có) theo đề nghị của Bên tiếp nhận viện trợ hoặc ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh;

4. Phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ trong đàm phán, ký kết các khoản viện trợ theo quy định hiện hành của pháp luật. Hỗ trợ các thủ tục hành chính trong quá trình triển khai các khoản viện trợ tại địa phương;

5. Chủ trì báo cáo tình hình quản lý hoạt động và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại khoản 2, Điều 10 của Quy chế này;

6. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan chức năng hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài về các vấn đề liên quan đến thủ tục xuất nhập cảnh, cư trú và giải quyết các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế;

7. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tuyển chọn, sử dụng, quản lý và thực hiện các chính sách đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức nước ngoài, các chương trình, dự án do các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 14. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Là đơn vị tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Quy chế này, có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội;

2. Tham gia thẩm định về mặt an ninh đối với các chương trình, dự án và việc tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ; phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ;

3. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ;

4. Cung cấp các thông tin liên quan làm cơ sở xem xét trong quá trình thẩm định khoản viện trợ tới sở, ngành liên quan;

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ khoản viện trợ đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nội vụ; thẩm định sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ dự án đối với trường hợp Bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ;

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì hướng dẫn chủ dự án thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;
2. Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

1. Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trong tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh;
2. Chủ trì hướng dẫn, tổ chức công tác rà phá bom mìn và thẩm định địa bàn rà phá bom mìn có yếu tố nước ngoài theo Nghị định số 18/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh;
3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, các cơ quan liên quan tham gia công tác tuyển chọn, thẩm định năng lực của các đơn vị, cá nhân tham gia rà phá bom mìn.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ liên quan đến quản lý hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn khu vực biên giới đất liền, biển, đảo khi có yêu cầu.

Điều 19. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ để tiếp nhận các khoản viện trợ nước ngoài liên quan đến chương trình, dự án tài chính vi mô hoặc có hợp phần tài chính vi mô thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Điều 20. Trách nhiệm của Kho bạc nhà nước tỉnh

Chủ trì hướng dẫn, kiểm soát chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Chương III, IV Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 21. Trách nhiệm Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

1. Là cơ quan đầu mối trong quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.
2. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động kêu gọi, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài vào tỉnh và hàng năm tổ chức họp mặt các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có đăng ký địa bàn hoạt động tại Tây Ninh.
3. Phối hợp với Chủ dự án và các cơ quan liên quan hỗ trợ Bên cung cấp viện trợ trong việc khảo sát, điều tra về chương trình, dự án kêu gọi vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

4. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án, phi dự án (trong trường hợp Bên cung cấp viện trợ là tổ chức phi chính phủ nước ngoài) trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

5. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong tỉnh xây dựng danh mục, đề cương cho các chương trình dự án kêu gọi viện trợ phi chính phủ nước ngoài và hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng tham gia vận động với đơn vị đề xuất. Tổng hợp danh mục dự án kêu gọi viện trợ của các ngành địa phương để lập danh mục dự án kêu gọi viện trợ phi chính phủ nước ngoài của tỉnh từ năm 2022 đến năm 2025 và bổ sung hàng năm cho phù hợp.

6. Kết nối và cung cấp thông tin, chương trình vận động viện trợ, các danh mục dự án kêu gọi viện trợ với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; theo dõi, tổng hợp, chia sẻ thông tin về quan hệ hợp tác, công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài với các sở, ngành, địa phương.

7. Hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài trong quan hệ hợp tác và viện trợ phi chính phủ nước ngoài phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhu cầu, chủ trương của tỉnh.

8. Tổng hợp đóng góp các tập thể, cá nhân trong viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh, phối hợp với Sở Ngoại vụ lập thủ tục đề nghị khen thưởng.

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và cơ quan liên quan

1. Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Theo đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, cho ý kiến thẩm định tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Những cam kết, điều kiện của các bên tham gia sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ dự án. Khả năng duy trì tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc;

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ đúng quy định;

3. Tích cực vận động, tìm kiếm đối tác viện trợ trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn viện trợ từng năm, từng thời kỳ.

Điều 23. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Theo đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, cho ý kiến thẩm định tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Những cam kết, điều kiện của các bên tham gia sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ dự án. Khả năng duy trì tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc;

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ theo quy định. Phối hợp với Sở Ngoại vụ tạo điều kiện cho Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập chương trình, dự án viện trợ triển khai trên địa bàn;

3. Chuẩn bị mặt bằng sạch, cân đối vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền mặt từ ngân sách được phân cấp để bố trí thực hiện các khoản viện trợ do UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc thẩm quyền quản lý làm chủ dự án;

4. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn huyện. Theo dõi, giám sát tham mưu UBND cấp huyện báo cáo tình hình tiếp nhận các khoản viện trợ trên địa bàn.

Điều 24. Trách nhiệm của Bên tiếp nhận viện trợ

1. Chủ trì vận động, đàm phán, ký kết các khoản viện trợ khi được UBND tỉnh thông nhất chủ trương. Lập hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các khoản viện trợ. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan;

2. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh trong vận động, đàm phán, ký kết khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định văn kiện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

3. Tổ chức bộ máy thực hiện, chủ động cân đối nguồn lực (hiện vật, tiền mặt...) để bố trí vốn đối ứng thực hiện các khoản viện trợ theo cam kết với Bên cung cấp viện trợ;

4. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án viện trợ phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy chế này hết hiệu lực và được thay thế bằng các văn bản khác thì thực hiện theo các văn bản thay thế.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, tổ chức báo cáo bằng văn bản gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp) xem xét, điều chỉnh, bổ sung phù hợp./.